

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số
26-CP ngày 24-3-1994 về việc
thành lập huyện Đăk Hà thuộc
tỉnh Kon Tum.**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng
9 năm 1992;*

*Xét đề nghị của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon
Tum và Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,*

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Nay thành lập huyện Đăk Hà và thị trấn huyện lỵ huyện Đăk Hà như sau:

1. Thành lập huyện Đăk Hà trên cơ sở 2 xã Đăk PXi và Đăk HRing của huyện Đăk Tô (gồm 35.356 hécta diện tích tự nhiên với 5.158 nhân khẩu); và 4 xã Đăk La, Hà Mòn, Đăk Ui, NgọK Réo của thị xã Kon Tum (gồm 39.560 hécta diện tích tự nhiên với 24.682 nhân khẩu).

- Huyện Đăk Hà có 74.924,7 hécta diện tích tự nhiên với 29.840 nhân khẩu.

Địa giới huyện Đăk Hà ở phía đông giáp huyện Kon PLong; phía tây giáp huyện Sa Thầy; phía nam giáp thị xã Kon Tum; phía bắc giáp huyện Đăk Tô.

- Huyện Đăk Tô còn lại 157.781,2 hécta diện tích tự nhiên với 38.580 nhân khẩu bao gồm 15 đơn vị hành chính là các xã NgọK Lây, Măng Xăng, Đăk Sao, Đăk Na, NgọK Tụ, Tân Cảnh, Pô Kô, Diên Bình, Kon Đào, Đăk Tờ Kan, Văn Lem, TuMơrong, Đăk Hà, NgọK Yêu.

- Thị xã Kon Tum còn lại 41.140 hécta diện tích tự nhiên với 90.318 nhân khẩu bao gồm 13 đơn vị hành chính là các phường Thắng Lợi, Thống Nhất, Quyết Thắng, Quang Trung và các xã Ia Chim, Hòa Bình, Chư HReng, Đăk BLa, Đăk Cắm, NgọK Bay, Đoàn Kết, Vinh Quang, KRoong.

2. Thành lập thị trấn Đăk Hà (thị trấn huyện lỵ của huyện Đăk Hà) trên cơ sở 2.250 hécta diện

tích tự nhiên với 9.957 nhân khẩu của xã Hà Mòn.

- Thị trấn Đăk Hà có 2.250 hécta diện tích tự nhiên với 9.957 nhân khẩu bao gồm các thôn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 (nông trường Đăk Uy II, nông trường 701, xí nghiệp chăn nuôi, nông trường Đăk Uy III) và thôn Long Loi.

Địa giới thị trấn Đăk Hà ở phía đông giáp xã Đăk Ui, Đăk La; phía tây giáp huyện Sa Thầy; phía nam giáp xã Hà Mòn; phía bắc giáp thị trấn Đăk Tô và xã Đăk HRing.

- Xã Hà Mòn còn lại 5.250 hécta diện tích tự nhiên với 3.543 nhân khẩu bao gồm các làng Đăk Wot, Kơ Tu, Đăk Mut, Kan Gu Na, Đăk Do và nông trường Đăk Uy I.

Huyện Đăk Hà có 7 đơn vị hành chính là các xã Đăk PXi, Đăk HRing, Đăk La, Hà Mòn, Đăk Ui, NgọK Réo và thị trấn Đăk Hà.

(Ranh giới đơn vị hành chính mới thể hiện trên bản đồ kèm theo tờ trình của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum).

Điều 2.- Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum và Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính
phủ số 104-TTg ngày 16-3-1994
về việc ban hành bản Quy chế
Kho ngoại quan.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng
9 năm 1992;*

*Căn cứ Pháp lệnh Hải quan ngày 20-2-1990;
Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải
quan,*

QUYẾT ĐỊNH:

*Điều 1.- Ban hành kèm theo Quyết định này
bản Quy chế Kho ngoại quan.*

*Điều 2.- Quyết định này thay thế Quyết định
số 43-CT ngày 31-1-1992 của Chủ tịch Hội đồng
Bộ trưởng về việc thí điểm thành lập và quản lý
Kho ngoại quan.*

*Điều 3.- Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan
căn cứ Quyết định này, ban hành các thông tư
hướng dẫn thay thế Quy chế hướng dẫn thực hiện
Quyết định số 43-CT ngày 31-1-1992.*

*Điều 4.- Quyết định này có hiệu lực thi hành
từ ngày ký. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan
ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ,
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực
thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành
Quyết định này.*

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

QUY CHẾ Kho ngoại quan

*(ban hành kèm theo Quyết định số 104-TTg
ngày 16-3-1994 của Thủ tướng Chính phủ).*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

*Điều 1.- Kho ngoại quan được thiết lập trên
lãnh thổ Việt Nam, ngăn cách với khu vực xung
quanh để tạm thời lưu giữ, bảo quản hàng hóa từ
nước ngoài, hoặc từ trong nước đưa vào theo hợp
đồng giữa chủ kho và chủ hàng dưới sự kiểm tra,
giám sát của Hải quan Việt Nam. Hàng hóa tạm
thời lưu giữ, bảo quản trong Kho ngoại quan là
hàng hóa chờ xuất khẩu ra ngoài Việt Nam, hoặc*

*chờ nhập khẩu vào Việt Nam. Chủ hàng được bảo
đảm quyền sở hữu đối với hàng hóa của mình gửi
trong Kho ngoại quan.*

*Điều 2.- Kho ngoại quan và tất cả hàng hóa,
phương tiện vận tải ra, vào hoặc lưu giữ, bảo
quản trong Kho ngoại quan phải chịu sự kiểm
tra, giám sát và quản lý về mặt Nhà nước của
Hải quan.*

*Điều 3.- Những thuật ngữ dùng trong Quy chế
này được hiểu như sau:*

1. "*Chủ kho*" là doanh nghiệp được phép kinh
doanh Kho ngoại quan. Chủ kho chịu sự kiểm tra,
giám sát của cơ quan Hải quan về việc thành lập
và hoạt động của kho hàng, về vận động của hàng
hóa trong thời gian lưu giữ tại kho.

2. "*Chủ hàng*" là doanh nghiệp có hàng hóa gửi
trong Kho ngoại quan, tuân thủ những quy định
trong hợp đồng thuê Kho ngoại quan giữa chủ
kho và chủ hàng.

3. "*Đại diện hợp pháp của chủ hàng*" là người
được chủ hàng ủy quyền theo quy định của pháp
luật, kể cả người nước ngoài. Chủ hàng phải chịu
trách nhiệm về các quyết định đối với đại diện
hợp pháp đã ủy quyền.

4. "*Hải quan kho ngoại quan*" là đơn vị Hải
quan trực tiếp làm nhiệm vụ kiểm tra, giám sát
và làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa vào,
đưa ra và lưu giữ bảo quản trong Kho ngoại quan.

Chương II

THÀNH LẬP VÀ THUÊ KHO NGOẠI QUAN

Điều 4.- Thành lập Kho ngoại quan.

1. Doanh nghiệp Việt Nam được thành lập
đúng pháp luật, muốn được xét cấp giấy phép
kinh doanh Kho ngoại quan phải có các điều kiện
sau đây:

a) Được Nhà nước cho phép sử dụng mặt bằng
kho bãi cần thiết, có các thiết bị nhằm ngăn cách
khu vực kho với khu vực xung quanh, có trang bị
cơ sở vật chất kỹ thuật bảo đảm an toàn cho
người, phương tiện vận chuyển, lưu giữ, bảo quản
hàng hóa, thuận tiện cho việc kiểm tra giám sát
của Hải quan và các cơ quan hữu trách khác. Kho

ngoại quan phải nằm ở những đầu mối giao lưu hàng hóa giữa nước ta với nước ngoài, thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu. Căn cứ điều kiện này, Tổng cục Hải quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định một số khu vực được phép thành lập Kho ngoại quan.

b) Có đội ngũ cán bộ có nghiệp vụ kinh doanh kho vận, giao nhận hàng hóa, có trình độ nghiệp vụ về giao dịch thương mại quốc tế.

c) Không vi phạm luật pháp, quan hệ về kinh doanh, tài chính, tín dụng rõ ràng.

d) Nộp lệ phí thành lập Kho ngoại quan theo quy định liên ngành Tài chính - Hải quan.

2. Doanh nghiệp phải có đơn xin thành lập Kho ngoại quan kèm bộ hồ sơ gồm:

- Sơ đồ thiết kế khu vực kho: đường ranh giới ngăn cách với bên ngoài, bố trí các kho hàng, hệ thống đường vận chuyển trong nội bộ khu kho, hệ thống bảo vệ, phòng chữa cháy, Văn phòng kho và nơi làm việc của đơn vị Hải quan kho.

- Quy chế cụ thể về hoạt động của kho.

- Chứng từ về tư cách pháp nhân và tài khoản tại Ngân hàng.

- Chứng từ hợp pháp về quyền sử dụng kho.

Đơn xin thành lập Kho ngoại quan sau khi có xác nhận của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và bộ hồ sơ kèm theo đơn phải được gửi đến Tổng cục Hải quan xem xét để trình Thủ tướng Chính phủ. Khi Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, Tổng cục Hải quan cấp giấy phép kinh doanh Kho ngoại quan; giấy phép có ghi thời hạn kho bắt đầu hoạt động; quá thời hạn đó mà kho không hoạt động, Tổng cục Hải quan sẽ thu hồi giấy phép.

3. Mỗi năm một lần, Tổng cục Hải quan tiến hành xem xét lại việc cấp giấy phép thành lập Kho ngoại quan cấp cho doanh nghiệp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc chấp hành luật pháp, chấp hành quy chế của các doanh nghiệp được cấp giấy phép.

Điều 5.- Các dịch vụ liên quan trong hoạt động Kho ngoại quan.

Chủ Kho ngoại quan được phép làm các dịch vụ vận chuyển, môi giới tiêu thụ đối với hàng hóa gửi trong kho; nếu làm các dịch vụ khai báo hải

quan, dịch vụ giám định, dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ tái chế và gia cố bao bì thì phải được phép của cơ quan Hải quan cấp tỉnh nơi có Kho ngoại quan. Chủ kho phải chấp hành đầy đủ các quy định hiện hành của pháp luật về các hoạt động dịch vụ đó.

Đối với dịch vụ tái chế, gia cố bao bì, trước và sau khi thực hiện, chủ hàng hoặc chủ kho được sự thỏa thuận của chủ hàng phải khai báo rõ để Hải quan xác nhận tình trạng bao bì, số lượng và chất lượng hàng hóa.

Điều 6.- Thuê Kho ngoại quan.

1. Đối tượng được phép thuê Kho ngoại quan:

- Doanh nghiệp, cá nhân người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

- Doanh nghiệp Việt Nam thuộc các thành phần kinh tế được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động xuất nhập khẩu.

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được hoạt động xuất nhập khẩu theo giấy phép do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư Việt Nam cấp.

2. Hợp đồng thuê Kho ngoại quan giữa chủ kho và chủ hàng phải theo mẫu thống nhất do Tổng cục Hải quan ban hành và phải thực hiện trước khi hàng đến cửa khẩu Việt Nam.

3. Thời hạn thuê Kho ngoại quan được quy định trong hợp đồng thuê kho. Thời hạn thuê có thể được gia hạn thêm từng lần, nhưng phải báo cho Hải quan Kho ngoại quan biết trước khi hợp đồng thuê kho hết hạn.

Trường hợp hợp đồng thuê kho đã hết hạn mà chủ hàng không làm thủ tục gia hạn thì hàng hóa bị xử lý theo Điều 11 Quy chế này.

Chương III

THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯA VÀO, ĐƯA RA VÀ LƯU GIỮ, BẢO QUẢN TRONG KHO NGOẠI QUAN

Điều 7.- Hàng hóa đưa vào, đưa ra và lưu giữ, bảo quản trong Kho ngoại quan.

1. Tất cả các loại hàng hóa chờ xuất khẩu hoặc chờ nhập khẩu đều được chấp nhận đưa vào lưu

giữ trong Kho ngoại quan, ngoại trừ các loại hàng hóa sau đây:

- Hàng hóa mang nhãn hiệu giả mạo nguyên xứ Việt Nam, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ.
- Hàng gây nguy hiểm công cộng hoặc ô nhiễm môi trường.
- Hàng cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu.

2. Hàng hóa lưu giữ, bảo quản trong Kho ngoại quan phải phù hợp với hợp đồng thuê Kho ngoại quan. Hàng hóa đưa ra, đưa vào Kho ngoại quan đều phải khai báo, chịu sự kiểm tra, giám sát, quản lý của Hải quan và phải nộp lệ phí hải quan như hàng xuất khẩu, nhập khẩu.

3. Việc vận chuyển hàng hóa từ cửa khẩu hoặc từ địa điểm tập kết sau khi đã làm xong thủ tục hải quan (đối với hàng xuất khẩu đưa vào Kho ngoại quan) hoặc từ Kho ngoại quan đến cửa khẩu đều phải chịu sự giám sát của Hải quan.

Điều 8. - Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa vào Kho ngoại quan.

1. Hàng từ nước ngoài đưa vào Kho ngoại quan chưa phải nộp thuế nhập khẩu, nhưng khi hàng hóa đến cửa khẩu đầu tiên của Việt Nam, chủ hàng hoặc người đại diện hợp pháp của chủ hàng phải xuất trình cho Hải quan Kho ngoại quan hợp đồng thuê Kho ngoại quan và các chứng từ khác do Tổng cục Hải quan quy định. Thủ tục nhập kho theo quy định của Tổng cục Hải quan.

2. Hàng từ nội địa Việt Nam đưa vào Kho ngoại quan để chờ xuất khẩu.

Đối với hàng từ nội địa Việt Nam muốn đưa vào Kho ngoại quan, chủ hàng phải làm đầy đủ thủ tục hải quan tại Hải quan tỉnh, thành phố nơi có Kho ngoại quan, đồng thời nộp thuế theo luật định. Chủ hàng hoặc đại diện hợp pháp của chủ hàng phải xuất trình cho Hải quan Kho ngoại quan hợp đồng thuê Kho ngoại quan và các chứng từ cần thiết khác do Tổng cục Hải quan quy định để làm thủ tục nhập kho.

Điều 9. - Thủ tục hải quan đối với hàng hóa đưa ra khỏi Kho ngoại quan.

1. Đưa hàng ra nước ngoài:

Chủ hàng muốn xuất hàng hóa trong kho ra nước ngoài phải làm thủ tục khai báo Hải quan và xuất trình cho Hải quan Kho ngoại quan:

- Giấy xuất hàng hoặc giấy ủy quyền xuất hàng;
- Phiếu xuất kho;
- Tờ khai hàng hóa xuất.

Hải quan Kho ngoại quan đối chiếu bộ chứng từ khai báo khi xuất kho với chứng từ thủ tục nhập kho và thực tế lô hàng, nếu đúng thì làm thủ tục xuất, và áp tải hàng vận chuyển đến cửa khẩu xuất hàng. Nếu lô hàng của một hợp đồng xuất một lần không hết thì trừ lùi cho đến hết số lượng hàng hóa ghi trong hợp đồng.

2. Nhập hàng hóa vào tiêu thụ tại thị trường nội địa Việt Nam:

Hàng hóa từ nước ngoài tạm gửi Kho ngoại quan nếu được phép đưa vào tiêu thụ tại thị trường nội địa Việt Nam thì coi như hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam, phải thực hiện đầy đủ quy chế nhập khẩu của Việt Nam, làm đầy đủ thủ tục hải quan và nộp thuế nhập khẩu. Thời điểm để tính thuế nhập khẩu là thời điểm đăng ký tờ khai hàng nhập khẩu tại Hải quan cấp tỉnh.

Điều 10. - Quản lý hàng lưu giữ trong Kho ngoại quan.

1. Hàng hóa lưu giữ trong Kho ngoại quan chịu sự kiểm tra, giám sát của Hải quan. Mọi sự dịch chuyển hàng hóa trong kho hoặc từ kho này sang kho khác trong khu vực Kho ngoại quan phải báo cho Hải quan Kho ngoại quan. Để thực hiện các dịch vụ ghi tại Điều 5 của Quy chế này, sau khi đã được Hải quan tỉnh, thành phố chấp thuận thì chủ kho phải thông báo cho Hải quan Kho ngoại quan trước khi thực hiện và phải chịu sự giám sát của Hải quan Kho ngoại quan trong suốt quá trình thực hiện.

2. Chủ Kho ngoại quan phải mở sổ sách theo dõi xuất, nhập kho theo mẫu thống nhất và theo chế độ ghi chép do Tổng cục Hải quan quy định.

3. Định kỳ (ít nhất một năm một lần) hoặc bất thường, Hải quan cấp tỉnh có thể tiến hành kiểm tra hoặc kiểm kê hàng trong kho. Việc kiểm tra hoặc kiểm kê được tiến hành với sự có mặt của chủ kho hoặc đại diện hợp pháp của họ. Định kỳ hàng tháng, 3 tháng, 1 năm Chủ Kho ngoại quan phải báo cáo cho Hải quan về hoạt động của Kho ngoại quan theo mẫu do Tổng cục Hải quan quy định.

4. Trong trường hợp muốn thanh lý hoặc tiêu hủy những lô hàng đổ vỡ, hư hỏng, giảm phẩm

chất hoặc quá thời hạn sử dụng phát sinh trong quá trình lưu kho, chủ hàng hoặc đại diện hợp pháp của chủ hàng cùng với chủ kho phải lập biên bản giám định có xác nhận của các cơ quan chức năng, đồng thời gửi cho Hải quan một bản. Việc tiêu hủy những lô hàng này phải làm đầy đủ thủ tục theo quy định hiện hành. Trách nhiệm bồi thường hàng giữ trong kho bị hư hại, mất mát thuộc chủ kho và được giải quyết theo hợp đồng thuê kho.

Chương IV

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 11.- Những hành vi vi phạm các điều khoản trong Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính, bị thu hồi giấy phép hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Bộ Luật Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. - Quy chế này có hiệu lực thi hành theo Quyết định số 104-TTg ngày 16-3-1994.

Điều 13.- Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thi hành Quy chế này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 106-TTg ngày 19-3-1994 về việc thành lập Ban công tác đặc biệt để chỉ đạo giải quyết mộ liệt sĩ quân tình nguyện Việt Nam hy sinh tại Lào.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Đề chỉ đạo công tác cất bốc, quy tập mộ liệt sĩ quân tình nguyện Việt Nam hy sinh tại Lào về nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Thành lập Ban công tác đặc biệt, thành phần gồm:

Bộ Quốc phòng: Đồng chí Thứ trưởng làm Trưởng Ban.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Đồng chí Thứ trưởng làm Phó trưởng Ban.

Bộ Tài chính: Một đồng chí cấp vụ làm ủy viên.

Bộ Ngoại giao: Một đồng chí cấp vụ làm ủy viên.

Bộ Văn hóa - Thông tin: Một đồng chí cấp vụ làm ủy viên.

Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử một số cán bộ, chuyên viên để giúp việc cho Ban công tác đặc biệt.

Điều 2. - Ban công tác đặc biệt có nhiệm vụ tiến hành các công tác tìm kiếm, khảo sát, cất bốc, tổ chức chuyển hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện Việt Nam về nước và phối hợp với Ban về việc xây dựng Đài tưởng niệm trên đất Lào theo thỏa thuận của Chính phủ hai nước.

Điều 3. - Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa - Thông tin chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI